TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 115/2019/QĐST-HNGĐ	*Phú Bình, ngày 05 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 158/2019/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị T1 - Sinh ngày: 11/6/1989;

Địa chỉ: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2 - Sinh ngày: 20/4/1986;

Địa chỉ: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào các Điều 24, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị T1 và anh Nguyễn Văn T2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T1 và anh Nguyễn Văn T2 tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Sau khi ly hôn anh T2 có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Thu T1 - Sinh ngày 02/7/2010 và Nguyễn

Minh T2 - Sinh ngày 11/01/2013 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi tròn) và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng/cháu cho anh T2 nuôi dưỡng con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về phương thức cấp dưỡng và thời điểm cấp dưỡng: Chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung theo phương thức hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Chị T1 được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Chị T1) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3.Về tài sản chung: Các bên đương sự đều xác định quá trình chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4.Về nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5.Về án phí: Chị T1 tự nguyện nhận nộp 150.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí DSST của người có nghĩa vụ cấp dưỡng sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000885 ngày 30 tháng 7 năm 2019. Chị T1 đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã X, H. Phú Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Toản